

(Tiếp theo Công báo số 323 + 324)

QUY TRÌNH ĐÃ TÁI CẤU TRÚC

QUY TRÌNH 03

Cấp đổi giấy phép môi trường

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ (1)

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở (Mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	01	Bản chính
2	Hồ sơ pháp lý có liên quan đến việc thay đổi trong trường hợp có thay đổi tên dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoặc chủ dự án đầu tư, cơ sở.	01	Bản sao

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
<p>- Trực tiếp: tại Bộ phận Một cửa - Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: Lô T2-3, đường D1, phường Tân Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Trực tuyến: tại Cổng dịch vụ công trực tuyến của Thành phố (http://dichvucong.hochiminhcity.go.vn)</p>	Tối đa là 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cấp đổi.	Không quy định

¹ Căn cứ theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành

và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa - Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.		
---	--	--

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC:

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Cá nhân, tổ chức	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả		Theo mục I Theo Mẫu BM 01, BM 02, BM 03	<p>1. Tiếp nhận trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và chưa đúng thành phần hồ sơ theo quy định: hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận) và ghi rõ lý do theo BM02 - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Tiếp nhận hồ sơ, lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả trao cho người nộp hồ sơ theo BM01. Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC => Chuyển sang bước B2. - Trường hợp không đúng thẩm quyền, không thuộc đối tượng, không đảm bảo tính pháp lý của hồ

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>sơ: lập phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM03.</p> <p>2. Tiếp nhận qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có). - Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình, chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC => Chuyển sang bước B2. - Trường hợp không đúng thẩm quyền, không thuộc đối tượng, không đảm bảo tính pháp lý hoặc không hợp lệ thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Cổng Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ theo quy định.
B2	Chuyển hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,25 ngày	Theo mục I	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường thụ lý hồ sơ.
B3	Rà soát hồ sơ	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	0,75 ngày	Theo mục I	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC xem xét nội dung hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa phù hợp với quy định => Chuyển sang B3.1 - Trường hợp hồ sơ phù hợp với quy định thì chuyển sang B3.2
B3.1	Trả hồ sơ				
B3.1.1	Dự thảo văn bản	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	0,75 ngày	Theo mục I	Dự thảo Phiếu trình và nội dung văn bản trả hồ sơ do chưa phù hợp với quy định. Chuyển sang B3.1.2
B3.1.2	Xem xét, ký nội dung trình	Lãnh đạo Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường	0,5 ngày		Xem xét, ký xác nhận nội dung Phiếu trình và ký vào dự thảo văn bản trả hồ sơ. Chuyển sang bước B3.1.3

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B3.1.3	Ký duyệt ban hành	Lãnh đạo Ban Quản lý	0,5 ngày		Chuyên Văn phòng xem thể thức, sau đó trình Lãnh đạo Ban Quản lý xem xét, ký ban hành văn bản trả hồ sơ. Chuyển sang bước B3.1.4
B3.1.4	Phát hành văn bản/kết quả	Văn thư - Ban Quản lý	0,25 ngày	Kết quả giải quyết TTHC	Lấy số văn bản, đóng dấu văn bản, lưu trữ hồ sơ theo quy định; phát hành kết quả giải quyết TTHC và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý.
B3.2	Cấp đổi Giấy phép môi trường				
	Dự thảo Giấy phép môi trường (cấp đổi)	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	4,5 ngày	BM 05	Dự thảo Phiếu trình và Giấy phép môi trường sau khi xem xét nội dung cấp đổi. Chuyển sang bước B4
B4	Xem xét, ký nội dung trình	Lãnh đạo Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường	02 ngày	BM 05	Xem xét, ký xác nhận nội dung Phiếu trình và ký vào dự thảo Giấy phép môi trường hoặc văn bản chưa đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường. Chuyển sang bước B5
B5	Ký duyệt ban hành	Lãnh đạo Ban Quản lý	02 ngày	BM 05	Chuyên Văn phòng xem thể thức, sau đó trình Lãnh đạo Ban Quản lý xem xét, ký ban hành Giấy phép môi trường hoặc văn

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					bản chưa đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường. Chuyển sang bước B6
B6	Phát hành văn bản/kết quả	Văn thư - Ban Quản lý	0,5 ngày	Hồ sơ đã được phê duyệt	Lấy số văn bản/giấy phép, đóng dấu, lưu trữ hồ sơ theo quy định; phát hành kết quả giải quyết TTHC và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý. Chuyển sang bước B7
B7	Trả kết quả, thống kê và theo dõi	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý	Theo thời gian trả trên hệ thống dịch vụ công/giấy hẹn	Kết quả giải quyết TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Trả kết quả cho Tổ chức, đơn vị. - Thống kê, theo dõi theo quy định.

IV. BIỂU MẪU

STT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).
4	BM 04	Văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

5	BM 05	Giấy phép môi trường (cấp đổi) (Mẫu số 40 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT)
---	-------	--

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).
4	//	Theo mục I
5	//	Kết quả giải quyết TTHC
6	//	Các hồ sơ bổ sung và hồ sơ khác nếu có theo quy định hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020.
- Nghị quyết số 98/2023/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2023.
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính

sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Quyết định số 2787/QĐ-BTNMT ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường và lĩnh vực tài nguyên nước; sửa đổi Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Quyết định số 4945/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

BM 01

(Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ,
NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ
**TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH
CHÍNH CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP
NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TTPVHCC (BPTNTKQ)

....., ngày tháng năm

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả:.....

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp gồm:

1

2

3

4

Số lượng hồ sơ: (bộ)

Thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định là: ngày

Thời gian nhận hồ sơ:giờ.... phút, ngày ... tháng ...năm....

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ:.... giờ..., phút, ngày ... tháng....năm....

Đăng ký nhận kết quả tại:

Vào Sổ theo dõi hồ sơ, Quyền số: Số thứ tự.....

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

*(Chữ ký số của Người tiếp nhận hồ sơ nếu là
biểu mẫu điện tử)*

Ghi chú:

- Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 2 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa;
- Tổ chức, cá nhân có thể đăng ký nhận kết quả tại Bộ phận Một cửa hoặc tại nhà (trụ sở tổ chức) qua dịch vụ bưu chính.

BM 02

*(Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)*

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ,
NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH
CHÍNH CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP
NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../HDHS

....., ngày tháng năm

PHIẾU YÊU CẦU BỔ SUNG, HOÀN THIỆN HỒ SƠ

Hồ sơ của:.....

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ gồm những nội dung sau:

1

Lý do:

Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ nếu có vướng mắc, Ông/Bà liên hệ với
..... số điện thoại để được hướng dẫn./.

NGƯỜI HƯỚNG DẪN

(Ký và ghi rõ họ tên)

*(Chữ ký số của Người hướng dẫn nếu là
biểu mẫu điện tử)*

BM 03

(Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ,
NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ
**TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH
CHÍNH CÔNG** (hoặc) **BỘ PHẬN TIẾP
NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TTPVHCC (BPTNTKQ)

....., ngày tháng năm

PHIẾU TỪ CHỐI TIẾP NHẬN GIẢI QUYẾT HỒ SƠ

Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa:

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:.....

Qua xem xét, Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thông
báo không tiếp nhận, giải quyết hồ sơ này với lý do cụ thể như sau:

.....

.....

.....

Xin thông báo cho Ông/Bà được biết và thực hiện./.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ
(Ký và ghi rõ họ tên)
(Chữ ký số của Người tiếp nhận hồ sơ nếu
là biểu mẫu điện tử)

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Phiếu được lập thành 2 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.

BM 04**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ, CƠ SỞ***(Phụ lục XIV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)*

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

V/v Đề nghị cấp đổi giấy phép
môi trường của dự án, cơ sở (2)

Địa danh, ngày ... tháng ... năm....

Kính gửi: (3)

Chúng tôi là: (1), chủ đầu tư dự án, cơ sở (2).

Để đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, (1) đề nghị (3) xem xét, cấp đổi giấy phép môi trường với các thông tin cụ thể như sau:

1. Thông tin về giấy phép môi trường đã được cấp: Giấy phép môi trường số .../GPMT-.... ngày....tháng...năm....

- Tên dự án đầu tư, cơ sở:

- Tên chủ đầu tư dự án, cơ sở:

2. Thông tin đề nghị thay đổi trong giấy phép môi trường của (2).

- Tên dự án đầu tư, cơ sở:

- Tên chủ đầu tư dự án, cơ sở:

(Chỉ liệt kê những thay đổi và thuộc trường hợp cấp đổi giấy phép môi trường)

3. Địa chỉ liên hệ của (1):

- Người đại diện theo pháp luật của (1):..... Chức vụ

- Điện thoại: ; Fax: ; E-mail:.....

Chúng tôi xin gửi đến (3) Bản Phụ lục kèm theo Văn bản này, gồm: *Liệt kê danh mục các tài liệu, giấy tờ của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để chứng minh pháp nhân hợp lệ của (1) đối với (2).*

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác, toàn vẹn của các hồ sơ, tài liệu được cung cấp kèm theo văn bản này, đồng thời cam kết không thay đổi các nội dung khác của Giấy phép môi trường số..../GPMT-.... ngày tháng năm... nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) xem xét cấp đổi giấy phép môi trường của dự án, cơ sở (2)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: ...

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ...(1)...

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú: (1) Tên chủ dự án đầu tư, cơ sở; (2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án đầu tư, cơ sở; (3) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của (2).

BM 05**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

(Mẫu số 40 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT)

**TÊN CƠ QUAN
CẤP PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/GPMT-

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CƠ QUAN CẤP PHÉP (1)**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan cấp Giấy phép môi trường;

Căn cứ ...;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của (tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép) ngày...tháng... năm... và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của (2).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho (tên tổ chức/cá nhân), địa chỉ tại (ghi địa chỉ trụ sở chính theo giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ nơi thường trú) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư/cơ sở (tên cơ sở được cấp giấy phép, địa chỉ của cơ sở theo đơn vị hành chính) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở

1.1. Tên dự án đầu tư/cơ sở

1.2. Địa điểm hoạt động

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập

1.4. Mã số thuế

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: (đối với dự án đầu tư khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp cần ghi rõ các ngành, nghề được thu hút đầu tư).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở

- Diện tích (m² hoặc ha).

- Nhóm dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư nhóm I, II hoặc III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Công suất và quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất được xem xét cấp phép tại Giấy phép môi trường này.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

(Chỉ ghi những nội dung được cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường)

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Được phép thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại và thực hiện yêu cầu về bảo vệ

môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Được phép nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.6. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.7. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này (nếu có).

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. *(Tên tổ chức/cá nhân)* có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: năm

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày.... tháng ... năm).

Giấy phép môi trường số ..., cấp ngày tháng.... năm.... hết hiệu lực kể từ ngày Giấy

phép môi trường này có hiệu lực (*chỉ ghi trong trường hợp cấp đổi, cấp lại Giấy phép môi trường*).

Điều 4. Giao (2), (3) tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ dự án, cơ sở;
- Sở TN&MT tỉnh/TP... (trường hợp Bộ TN&MT cấp phép);
- UBND huyện/quận/thị xã/TP trực thuộc tỉnh (trường hợp UBND tỉnh hoặc Sở TN&MT cấp phép);
- Ban QLKCN, KKT (đối với dự án, cơ sở nằm trong khu KCN, KKT);
- Cổng Thông tin điện tử của cơ quan cấp phép;
- Cổng Thông tin một cửa quốc gia (đối với dự án, cơ sở có nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất);
- Lưu ..., website,...

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ**

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Cơ quan cấp phép là cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường;
- (2) Chức danh của thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan chuyên môn tham mưu việc cấp giấy phép môi trường;
- (3) Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường tại địa phương đối với trường hợp giấy phép môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện cấp.

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số... ngày... tháng... năm ... của ...)**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

1. Nguồn phát sinh nước thải (nêu từng nguồn phát sinh nước thải tại dự án, cơ sở: sinh hoạt, sản xuất...)

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải (trường hợp có từ 02 dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận trở lên, các dòng nước thải tiếp theo được mô tả tương tự dòng nước thải thứ nhất)

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: ghi rõ tên, vị trí hành chính (thôn, ấp/tổ, khu phố; xã/phường, thị trấn; huyện/quận, thị xã, thành phố; tỉnh/thành phố) của sông, suối, kênh, rạch, vùng biển, hồ, đầm, ao nơi dòng nước thải xả vào.

2.2. Vị trí xả nước thải (nêu rõ vị trí xả nước thải vào nguồn tiếp nhận)

- Thôn, ấp/tổ, khu phố xã/phường, thị trấn huyện/quận, thị xã, thành phố tỉnh/thành phố

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực..., múi chiều...).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: m³/ngày đêm m³/giờ.

2.4. Phương thức xả nước thải (ghi rõ hệ thống dẫn nước thải sau xử lý đến vị trí xả vào nguồn nước tiếp nhận và phương thức xả tại vị trí xả nước thải vào nguồn nước là bơm, tự chảy, xả ngầm, xả mặt, xả ven bờ, xả giữa dòng,...).

2.5. Chế độ xả nước thải (ghi rõ xả nước thải là liên tục (24 giờ) hay gián đoạn; chu kỳ xả, thời gian xả trong một chu kỳ; xả theo mùa vụ sản xuất hay theo các thời điểm trong ngày).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải (ghi tên quy chuẩn áp dụng), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1					
2					
...					

(Trường hợp có đầu nối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp cần ghi rõ đã có hợp đồng/văn bản thỏa thuận xử lý nước thải) và không phải ghi chi tiết các nội dung tại mục 1, 2).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải (*trường hợp có từ 02 công trình, thiết bị trở lên, các công trình, thiết bị tiếp theo được mô tả tương tự công trình, thiết bị thứ nhất*)

- Tóm tắt quy trình công nghệ.

- Công suất thiết kế.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (*nếu có*) (*trường hợp có từ 02 hệ thống, thiết bị trở lên, các hệ thống, thiết bị tiếp theo được mô tả tương tự hệ thống, thiết bị thứ nhất*)

- Số lượng.

- Vị trí lắp đặt.

- Thông số lắp đặt.

- Thiết bị lấy mẫu tự động.

- Camera theo dõi.

- Kết nối, truyền số liệu.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố (nếu có)

(Trường hợp có đầu nối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp cần bổ sung thông tin về vị trí, số lượng điểm đầu nối).

1.5. Tiêu chuẩn tiếp nhận đầu nối nước thải (đối với trường hợp cấp giấy phép môi trường cho khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp)

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm (nếu thuộc trường hợp phải vận hành thử nghiệm)

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm (ghi rõ khoảng thời gian)

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này)

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này)

2.3. Tần suất lấy mẫu (ghi rõ tần suất theo quy định)

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi (nếu có)

3.3. Trường hợp xả thải vào công trình thủy lợi nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước trong công trình thủy lợi, chủ dự án đầu tư, cơ sở phải báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng quản lý công trình thủy lợi.

3.4. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo (nếu có).

3.5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác (nếu có).

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ
KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường sốngày... tháng... năm....của....)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải *(nêu từng nguồn phát sinh bụi, khí thải tại dự án, cơ sở)*

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải *(trường hợp có từ 02 dòng khí thải xả vào môi trường không khí trở lên, các dòng khí thải tiếp theo được mô tả tương tự dòng khí thải thứ nhất)*

2.1. Vị trí xả khí thải *(nêu rõ vị trí tọa độ vị trí xả khí thải theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục..., múi chiều....)*.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:.....m³/ngày (24 giờ)m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải (ghi rõ xả khí thải là liên tục (24 giờ) hay gián đoạn; chu kỳ xả, thời gian xả trong một chu kỳ; xả theo mùa vụ sản xuất hay theo các thời điểm trong ngày).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải *(ghi tên quy chuẩn áp dụng)*, cụ thể như sau:

<i>TT</i>	<i>Chất ô nhiễm</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Giá trị giới hạn cho phép</i>	<i>Tần suất quan trắc định kỳ</i>	<i>Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)</i>
1					
2					

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải (*trường hợp có từ 02 công trình, thiết bị trở lên, các công trình, thiết bị tiếp theo được mô tả tương tự công trình, thiết bị thứ nhất*)

- Tóm tắt quy trình công nghệ.

- Công suất thiết kế.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (*nếu có*) (*trường hợp có từ 02 hệ thống, thiết bị trở lên, các hệ thống, thiết bị tiếp theo được mô tả tương tự hệ thống, thiết bị thứ nhất*)

- Số lượng.

- Vị trí lắp đặt.

- Thông số lắp đặt.

- Camera theo dõi.

- Kết nối, truyền số liệu.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố (*nếu có*)

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm (*nếu thuộc trường hợp phải vận hành thử nghiệm*)

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm (*ghi rõ khoảng thời gian*)

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (*theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này*)

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (*thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này*)

2.3. Tần suất lấy mẫu (*ghi rõ tần suất theo quy định*)

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo (*nếu có*).

3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác (*nếu có*).

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số... ngày ... tháng... năm... của ...)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung *(nêu từng nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung tại dự án, cơ sở: Dây chuyền, máy móc thiết bị sản xuất)*
2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung *(ghi tên quy chuẩn áp dụng)*, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

<i>TT</i>	<i>Từ 6-21 giờ (dBA)</i>	<i>Từ 21-6 giờ (dBA)</i>	<i>Tần suất quan trắc định kỳ</i>	<i>Ghi chú</i>
<i>1</i>				Khu vực đặc biệt
<i>2</i>				Khu vực thông thường

2.2. Độ rung

<i>TT</i>	<i>Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB</i>		<i>Tần suất quan trắc định kỳ</i>	<i>Ghi chú</i>
	<i>Từ 6-21 giờ</i>	<i>Từ 21-6 giờ</i>		
<i>1</i>				Khu vực đặc biệt
<i>2</i>				Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung
- 1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn
- 1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo *(nếu có)*

2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác *(nếu có)*

Phụ lục 4**NỘI DUNG CẤP PHÉP THỰC HIỆN DỊCH VỤ XỬ LÝ
CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG***(Kèm theo Giấy phép môi trường số... ngày ... tháng... năm ... của ...)***A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI****1. Công trình, hệ thống, thiết bị sơ chế, xử lý, tái chế chất thải nguy hại**

<i>TT</i>	<i>Tên công trình, hệ thống, thiết bị</i>	<i>Công suất thiết kế</i>	<i>Số lượng</i>
<i>1</i>
...

2. Danh mục mã chất thải nguy hại và khối lượng

<i>TT</i>	<i>Tên chất thải nguy hại</i>	<i>Mã chất thải nguy hại</i>	<i>Phương pháp xử lý</i>	<i>Khối lượng (kg/năm)</i>
<i>1</i>
...

Ghi chú: Đối với bãi chôn lấp hoặc bể đóng kén thì tính theo thể tích của bãi chôn lấp hoặc bể đóng kén (thay vì ghi khối lượng)

3. Trạm trung chuyển chất thải nguy hại:

<i>TT</i>	<i>Tên trạm trung chuyển</i>	<i>Địa điểm</i>
<i>1</i>
...

4. Địa bàn hoạt động:

<i>TT</i>	<i>Vùng</i>	<i>Tỉnh</i>
<i>1</i>
...

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI DỊCH VỤ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI**1. Yêu cầu đối với thiết bị, kho, khu vực lưu giữ, trạm trung chuyển chất thải nguy hại:**

1.2. Kho/khu lưu chứa chất thải trong nhà *(trường hợp có từ 02 kho/khu vực lưu chứa trở lên, các kho lưu chứa tiếp theo được mô tả tương tự kho/khu vực lưu chứa thứ nhất)*

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà.

1.3. Trạm trung chuyển chất thải nguy hại (trường hợp có từ 02 trạm trung chuyển trở lên, các trạm trung chuyển tiếp theo được mô tả tương tự trạm trung chuyển thứ nhất):

- Diện tích trạm trung chuyển.
- Diện tích kho/khu vực lưu chứa chất thải tại trạm trung chuyển.
- Chất thải phát sinh (nếu có) và biện pháp quản lý.

2. Hệ thống, công trình, thiết bị sơ chế, tái chế, xử lý chất thải nguy hại (trường hợp có từ 02 hệ thống, công trình, thiết bị trở lên, các hệ thống tiếp theo được mô tả tương tự hệ thống thứ nhất)

- Tóm tắt quy trình công nghệ sơ chế, tái chế, xử lý chất thải nguy hại (trường hợp hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải nguy hại đã được mô tả trong giấy phép thì trích dẫn đến đề mục đã mô tả và không cần mô tả lại).

- Công suất thiết kế (tấn/năm).
- Sản phẩm sau sơ chế, tái chế, xử lý (nếu có).

3. Các yêu cầu bảo vệ môi trường

3.1. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo (nếu có)

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác (nếu có)

Phụ lục 5**NỘI DUNG CẤP PHÉP NHẬP KHẨU PHÉ LIỆU TỪ NƯỚC NGOÀI LÀM
NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG***(Kèm theo Giấy phép môi trường số... ngày ... tháng... năm ... của ...)***A. NỘI DUNG CẤP PHÉP NHẬP KHẨU PHÉ LIỆU****Khối lượng phế liệu được phép nhập khẩu¹**

<i>T</i>	<i>Tên phế liệu nhập khẩu</i>	<i>Mã HS</i>	<i>Khối lượng phế liệu được phép nhập khẩu (tấn/năm)</i>
	<i>Tổng khối lượng theo nhóm phế liệu có chung mã HS 04 số (sắt thép; nhựa; giấy; thủy tinh; từng kim loại màu).</i>
	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NHẬP KHẨU PHÉ LIỆU TỪ NƯỚC NGOÀI LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT:

1. Hệ thống, thiết bị tái chế, tái sử dụng phế liệu nhập khẩu *(trường hợp có từ 02 hệ thống, thiết bị tái chế, tái sử dụng phế liệu nhập khẩu trở lên, các hệ thống tiếp theo được mô tả tương tự hệ thống, thiết bị thứ nhất)*

- Loại phế liệu sử dụng.
- Tóm tắt quy trình công nghệ trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu.
- Công suất thiết kế (tấn/năm).
- Hệ số hao hụt.
- Sản phẩm (tấn/năm).

2. Biện pháp, phương án xử lý các tạp chất đi kèm phế liệu nhập khẩu

2.1. Hệ thống, thiết bị xử lý tạp chất đi kèm phế liệu nhập khẩu (nếu có) *(trường hợp có từ 02 hệ thống, thiết bị trở lên, các hệ thống, thiết bị tiếp theo được mô tả tương tự hệ thống, thiết bị thứ nhất)*

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý tạp chất (trường hợp công nghệ xử lý tạp chất đã được mô tả trong giấy phép thì trích dẫn đến đề mục đã mô tả và không cần mô tả lại).
- Công suất thiết kế (tấn/năm).

2.2. Phương án chuyển giao, xử lý các tạp chất: Phải ký hợp đồng và chuyển giao cho đơn vị có chức năng phù hợp để xử lý theo quy định pháp luật.

3. Yêu cầu đối với kho lưu giữ phế liệu nhập khẩu (trường hợp có từ 02 kho lưu giữ phế liệu nhập khẩu trở lên, các kho lưu giữ tiếp theo được mô tả tương tự kho lưu giữ thứ nhất)

- Diện tích kho lưu giữ.
- Thiết kế, cấu tạo của kho.
- Vật liệu làm tường và vách ngăn.
- Biện pháp hoặc thiết kế để hạn chế gió trực tiếp vào bên trong.
- Hệ thống thu gom nước mưa.
- Hệ thống thu gom, xử lý các loại nước thải phát sinh.
- Khả năng lưu giữ tối đa (tấn).

4. Bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu (trường hợp có từ 02 bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu trở lên, các bãi lưu giữ tiếp theo được mô tả tương tự bãi lưu giữ thứ nhất)

- Diện tích bãi lưu giữ.
- Thiết kế, cấu tạo của bãi.
- Hệ thống thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn qua bãi phế liệu.
- Biện pháp giảm thiểu bụi phát sinh từ bãi lưu giữ phế liệu.
- Khả năng lưu giữ tối đa (tấn)

5. Các yêu cầu bảo vệ môi trường

5.1. Chỉ được phép nhập khẩu khối lượng phế liệu đảm bảo sức chứa của kho, bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu; chỉ được sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất tại dự án, cơ sở của mình; nhập khẩu đúng chủng loại, khối lượng phế liệu được phép nhập khẩu quy định trong Giấy phép môi trường này.

5.2. Phế liệu nhập khẩu phải đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất.

5.3. Phải tái xuất đối với những lô hàng phế liệu nhập khẩu không đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất; Trường hợp không thể tái xuất, phải thỏa thuận với đơn vị có đủ năng lực để xử lý, tiêu hủy chất thải, phế liệu vi phạm theo quy định pháp luật.

5.4. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo (nếu có).

5.5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác (nếu có).

¹ Lưu ý: khối lượng không vượt quá 80% nhu cầu sử dụng phế liệu làm nguyên liệu sản xuất theo công suất thiết kế theo quy định tại khoản 4 Điều 45 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 6
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số... ngày ... tháng... năm ... của ...)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên *(ghi rõ chủng loại, khối lượng phát sinh theo tháng hoặc theo năm, mã chất thải theo quy định tại Mục C Mẫu số 01 Phụ lục III Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 04/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)*.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh *(ghi rõ chủng loại, khối lượng phát sinh theo tháng hoặc theo năm)*.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh *(ghi rõ khối lượng phát sinh theo tháng hoặc theo năm)*.

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát *(ghi rõ khối lượng dự kiến phát sinh theo tháng hoặc theo năm, mã chất thải theo quy định tại Mục C Mẫu số 01 Phụ lục III Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)*.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Kho/khu vực lưu chứa trong nhà *(trường hợp có từ 02 kho/khu vực lưu chứa trở lên, các kho lưu chứa tiếp theo được mô tả tương tự kho/khu vực lưu chứa thứ nhất)*.

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời *(trường hợp có từ 02 kho/khu vực lưu chứa trở lên, các kho lưu chứa tiếp theo được mô tả tương tự kho/khu vực lưu chứa thứ nhất)*.

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Kho/khu vực lưu chứa (*trường hợp có từ 02 kho/khu vực lưu chứa trở lên, các kho/khu vực lưu chứa tiếp theo được mô tả tương tự kho lưu chứa thứ nhất*).

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải (*nếu có, bao gồm tự xử lý chất thải y tế theo mô hình cụm*)

3.1. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải nguy hại (*trường hợp có từ 02 hệ thống, công trình, thiết bị trở lên, các hệ thống tiếp theo được mô tả tương tự hệ thống, công trình, thiết bị thứ nhất*)

- Loại chất thải nguy hại tự xử lý, tái chế, tái sử dụng.
- Khối lượng chất thải tự xử lý, tái chế, tái sử dụng (tấn/năm).
- Tóm tắt quy trình công nghệ tự xử lý, tái chế, tái sử dụng.
- Công suất thiết kế (tấn/năm).
- Sản phẩm tái chế (nếu có).

3.2. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt (*trường hợp có từ 02 hệ thống, công trình, thiết bị trở lên, các hệ thống tiếp theo được mô tả tương tự hệ thống, công trình, thiết bị thứ nhất*)

- Loại chất thải tự xử lý, tái chế, tái sử dụng.
- Khối lượng chất thải tự xử lý, tái chế, tái sử dụng (tấn/năm).
- Tóm tắt quy trình công nghệ tự xử lý, tái chế, tái sử dụng.
- Công suất thiết kế (tấn/năm).
- Sản phẩm tái chế (nếu có).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG (*nếu có*)

- Ghi rõ các yêu cầu phòng ngừa sự cố môi trường, ứng phó sự cố môi trường phải thực hiện.

Phụ lục 7**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số... ngày ... tháng... năm ... của ...)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG (nếu có)

Ghi rõ các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường, kinh phí, thời gian thực hiện.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC (nếu có)

Ghi rõ các nội dung bồi hoàn đa dạng sinh học phải thực hiện.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG/ GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

(Chỉ ghi Phần này trong trường hợp dự án đầu tư/cơ sở được thực hiện theo nhiều giai đoạn, có nhiều công trình, hạng mục công trình và chưa hoàn thành hết các nội dung trong Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường).

Ghi rõ các các hạng mục, công trình sản xuất và các yêu cầu về bảo vệ môi trường (bao gồm cả giai đoạn thi công và vận hành) đã được phê duyệt trong Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy phép môi trường mà chủ dự án đầu tư, cơ sở tiếp tục thực hiện.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (nếu có)

- *Ghi rõ các yêu cầu liên quan đến quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy phép môi trường và các nội dung quản lý môi trường khác (nếu có).*

- *Ghi rõ các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác mà chủ dự án/cơ sở phải tiếp tục thực hiện, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định pháp luật.*

QUY TRÌNH ĐÃ TÁI CẤU TRÚC**QUY TRÌNH 04****Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ⁽¹⁾

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở <i>(mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP)</i>	01	Bản chính
2	Báo cáo đề xuất điều chỉnh giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở đang hoạt động <i>(mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP)</i>	01	Bản chính

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ**a) Nơi tiếp nhận, trả kết quả và thời gian xử lý**

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý
<p>- Trực tiếp: tại Bộ phận Một cửa - Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: Lô T2-3, đường D1, phường Tân Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Trực tuyến: tại Cổng dịch vụ công trực tuyến của Thành phố <i>(http://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn)</i></p>	Tối đa là 25 (hai mươi lăm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị điều chỉnh

¹ Căn cứ theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa - Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.	
---	--

b) Lệ phí: (theo quy định tại Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)

Đối tượng	Mức phí (Đồng/hồ sơ)	
	Thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân Thành phố	Thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức
Đối tượng 1	5.800.000	-
Đối tượng 2	5.800.000	-
Đối tượng 3	5.800.000	3.500.000
Đối tượng 4	5.800.000	3.500.000
Đối tượng 5	4.200.000	3.500.000

Trong đó:

- Đối tượng 1: Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Đối tượng 2: Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Đối tượng 3: Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường.

- Đối tượng 4: Cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động.

- Đối tượng 5:

+ Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;

+ Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi

trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Lưu ý:

- Mức phí không bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí lấy mẫu, phân tích mẫu chất thải theo quy định. Trong trường hợp cần thiết phải lấy mẫu chất thải thì việc xác định số lượng mẫu, chỉ tiêu phân tích mẫu và đơn vị lấy mẫu do Hội đồng thẩm định, Tổ thẩm định, Đoàn kiểm tra hoặc Tổ kiểm tra quyết định.

- Không quy định về đối tượng miễn, giảm phí đối với tất cả các đối tượng.

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

*** Quy trình cấp giấy phép môi trường điều chỉnh: 25 ngày (theo khoản 12 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)**

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Cá nhân, tổ chức	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả		Theo mục I Theo Mẫu BM 01, BM 02, BM 03	1. Tiếp nhận trực tiếp: <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và chưa đúng thành phần hồ sơ theo quy định: hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận) và ghi rõ lý do theo BM02 - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Tiếp nhận hồ sơ, lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả trao

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>cho người nộp hồ sơ theo BM01. Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC => Chuyển sang bước B2.</p> <p>- Trường hợp không đúng thẩm quyền, không thuộc đối tượng, không đảm bảo tính pháp lý của hồ sơ: lập phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM03.</p> <p>2. Tiếp nhận qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến</p> <p>- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có).</p> <p>- Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình, chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC => Chuyển sang bước B2.</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>- Trường hợp không đúng thẩm quyền, không thuộc đối tượng, không đảm bảo tính pháp lý hoặc không hợp lệ thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Cổng Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu.</p> <p>Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ theo quy định.</p>
B2	Chuyển hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,25 ngày	Theo mục I, BM 04, BM 05	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường thụ lý hồ sơ.
B3	Rà soát, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	0,75 ngày	Theo mục I, BM 04, BM 05	<p>Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC xem xét nội dung hồ sơ:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa phù hợp với quy định => Chuyển sang B3.1</p> <p>- Trường hợp hồ sơ phù hợp với quy định thì yêu cầu cá nhân/tổ</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					chức nộp phí theo quy định tại mục II.b => Chuyển sang B3.2
B3.1	Trả hồ sơ do hồ sơ chưa phù hợp				
B3.1.1	Dự thảo văn bản	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	0,75 ngày	Theo mục I	Dự thảo Phiếu trình và nội dung văn bản trả hồ sơ do chưa phù hợp với quy định. Chuyển sang B3.1.2
B3.1.2	Xem xét, ký nội dung trình	Lãnh đạo Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường	0,5 ngày		Xem xét, ký xác nhận nội dung Phiếu trình và ký vào dự thảo văn bản trả hồ sơ. Chuyển sang bước B3.1.3
B3.1.3	Ký duyệt ban hành	Lãnh đạo Ban Quản lý	0,5 ngày		Chuyên Văn phòng xem thể thức, sau đó trình Lãnh đạo Ban Quản lý xem xét, ký ban hành văn bản trả hồ sơ. Chuyển sang bước B3.1.4
B3.1.4	Phát hành văn bản/kết quả	Văn thư - Ban Quản lý	0,25 ngày	Kết quả giải quyết TTHC	Lấy số văn bản, đóng dấu văn bản, lưu trữ hồ sơ theo quy định; phát hành kết quả giải quyết TTHC và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý.
B3.2	Thẩm định nội dung hồ sơ, dự thảo Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh)				
	Rà soát hồ sơ; Dự thảo Phiếu	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	19,5 ngày	Theo mục I, BM 06	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC kiểm tra nội dung hồ sơ theo quy định. Dự

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
	<i>trình và Giấy phép môi trường</i>				thảo Phiếu trình và Giấy phép môi trường (điều chỉnh). Chuyển sang bước B4
B4	Xem xét, ký nội dung trình	Lãnh đạo Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường	02 ngày	BM 06	Xem xét, ký xác nhận nội dung Phiếu trình và ký vào dự thảo Giấy phép môi trường điều chỉnh. Chuyển sang bước B5
B5	Ký duyệt ban hành	Lãnh đạo Ban Quản lý	02 ngày	BM 06	Chuyển Văn phòng xem thể thức, sau đó trình Lãnh đạo Ban Quản lý xem xét, ký ban hành Giấy phép môi trường điều chỉnh. Chuyển sang bước B6
B6	Phát hành văn bản/kết quả	Văn thư - Ban Quản lý	0,5 ngày	Hồ sơ đã được phê duyệt	Lấy số giấy phép, đóng dấu, lưu trữ hồ sơ theo quy định; phát hành kết quả giải quyết TTHC và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý. Chuyển sang bước B7
B7	Trả kết quả, thống kê và theo dõi	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Theo thời gian trả trên hệ thống dịch vụ công/giấy hẹn	Kết quả giải quyết TTHC	- Trả kết quả cho Tổ chức, đơn vị. - Thống kê, theo dõi theo quy định.

IV. BIỂU MẪU

STT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (<i>Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018</i>).
1	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (<i>Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018</i>).
2	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018</i>).
3	BM 04	Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (<i>mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP</i>)
4	BM 05	Mẫu báo cáo đề xuất điều chỉnh giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động (<i>mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP</i>)
5	BM 06	Giấy phép môi trường điều chỉnh (<i>mẫu số 41 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT</i>)

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (<i>Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018</i>).
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (<i>Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018</i>).
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018</i>).
4	//	Theo mục I
5	//	Kết quả giải quyết TTHC
6	//	Các hồ sơ bổ sung và hồ sơ khác nếu có theo quy định hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020.
- Nghị quyết số 98/2023/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2023.
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Quyết định số 2787/QĐ-BTNMT ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường và lĩnh vực tài nguyên nước; sửa đổi Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.
- Quyết định số 4945/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh

vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

BM 01

(Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ,
NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ
**TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH
CHÍNH CÔNG** (hoặc) **BỘ PHẬN TIẾP
NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TTPVHCC (BPTNTKQ)

....., ngày tháng năm

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả:.....

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp gồm:

1

2

3

4

Số lượng hồ sơ: (bộ)

Thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định là: ngày

Thời gian nhận hồ sơ:giờ.... phút, ngày ... tháng ...năm....

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ:.... giờ..., phút, ngày ... tháng....năm....

Đăng ký nhận kết quả tại:

Vào Sổ theo dõi hồ sơ, Quyền số: Số thứ tự.....

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

*(Chữ ký số của Người tiếp nhận hồ sơ nếu là biểu
mẫu điện tử)*

Ghi chú:

- Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 2 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa;
- Tổ chức, cá nhân có thể đăng ký nhận kết quả tại Bộ phận Một cửa hoặc tại nhà (trụ sở tổ chức) qua dịch vụ bưu chính.

BM 02

*(Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)*

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ,
NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ
**TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH
CHÍNH CÔNG** (hoặc) **BỘ PHẬN TIẾP
NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../HDHS

....., ngày tháng năm

PHIẾU YÊU CẦU BỔ SUNG, HOÀN THIỆN HỒ SƠ

Hồ sơ của:.....

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ gồm những nội dung sau:

1

Lý do:

Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ nếu có vướng mắc, Ông/Bà liên hệ với
..... số điện thoại để được hướng dẫn./.

NGƯỜI HƯỚNG DẪN

(Ký và ghi rõ họ tên)

*(Chữ ký số của Người hướng dẫn nếu là
biểu mẫu điện tử)*

BM 03

(Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ,
NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ
**TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH
CHÍNH CÔNG** (hoặc) **BỘ PHẬN TIẾP
NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TTPVHCC (BPTNTKQ)

....., ngày tháng năm

PHIẾU TỪ CHỐI TIẾP NHẬN GIẢI QUYẾT HỒ SƠ

Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa:

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:.....

Qua xem xét, Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thông
báo không tiếp nhận, giải quyết hồ sơ này với lý do cụ thể như sau:

.....

.....

.....

Xin thông báo cho Ông/Bà được biết và thực hiện./.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ
(Ký và ghi rõ họ tên)
(Chữ ký số của Người tiếp nhận hồ sơ nếu
là biểu mẫu điện tử)

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Phiếu được lập thành 2 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.

BM 04**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ, CƠ SỞ***(Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP)*

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

V/v đề nghị cấp/cấp điều
chỉnh/cấp lại giấy phép môi
trường của dự án, cơ sở (2)

Địa danh, ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: (3)

1. Chúng tôi là: (1), Chủ đầu tư dự án, cơ sở (2) thuộc mục số ... Phụ lục... ban hành kèm theo Nghị định số .../...../NĐ-CP ngày tháng năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Căn cứ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, dự án, cơ sở (2) thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của (3).

Dự án, cơ sở (2) đã được (3) cấp Giấy phép môi trường số:/GPMT-..... ngày tháng năm (chỉ nêu trong trường hợp đề nghị cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường).

2. Địa chỉ trụ sở chính của (1):

3. Địa điểm thực hiện dự án, cơ sở (2):

Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số: ngày của (1) hoặc các giấy tờ tương đương.

4. Người đại diện theo pháp luật của (1): Chức vụ:

Điện thoại:; Fax:; E-mail:

5. Người liên hệ trong quá trình tiến hành thủ tục: Chức vụ:
Điện thoại:; Email:

Chúng tôi xin gửi đến (3) hồ sơ gồm:

- 01 bản Báo cáo đề xuất cấp/cấp lại/điều chỉnh giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (2);

- 01 bản Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án (2) (chỉ gửi trong trường hợp dự án (2) không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường) (không yêu cầu đối với trường hợp điều chỉnh Giấy phép môi trường);

- 01 Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc văn bản tương đương với Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 171 Luật Bảo vệ môi trường (bao gồm cả hồ sơ kèm theo văn bản tương đương) có nội dung nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất (Chỉ áp dụng đối với dự án đầu tư, cơ sở có đề nghị nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất) (không yêu cầu đối với trường hợp điều chỉnh Giấy phép môi trường).

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) xem xét cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường của dự án, cơ sở (2).

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ...(1)...

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú: (1) Chủ dự án đầu tư, cơ sở; (2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án đầu tư, cơ sở; (3) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của (2).

BM 05

**MẪU BÁO CÁO ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA
CƠ SỞ ĐANG HOẠT ĐỘNG**

(Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP)

1. Mẫu trang bìa và phụ bìa báo cáo

**Cơ quan cấp trên của chủ cơ sở
(1)**

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của cơ sở (2)**

CHỦ CƠ SỞ (*)
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

*Địa danh (**), tháng ... năm ...*

Ghi chú: (1) Tên cơ quan chủ quản của cơ sở; (2) Tên gọi đầy đủ, chính xác của cơ sở;
(*) Chỉ thể hiện ở trang phụ bìa báo cáo; (**) Ghi địa danh cấp tỉnh/huyện/xã nơi cơ sở hoạt động hoặc nơi đặt trụ sở chính của chủ cơ sở.

2. Cấu trúc, nội dung báo cáo đề xuất cấp, cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động (viết tắt là cơ sở)

MỤC LỤC
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT
DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ

CHƯƠNG I
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở (Chủ sở hữu hoặc tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, vận hành toàn bộ cơ sở):

- Địa chỉ văn phòng:

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở:

- Điện thoại:; Fax:; E-mail:

- Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số: ngày của cơ sở hoặc các giấy tờ tương đương.

2. Tên cơ sở:

- Địa điểm cơ sở:

- Giấy phép môi trường của cơ sở:

- Quy mô của cơ sở: nêu rõ nội dung thay đổi (nếu có).

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở (chỉ mô tả các nội dung đề xuất điều chỉnh)

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

3.3. Sản phẩm của cơ sở:

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở (chỉ mô tả các nội dung đề xuất điều chỉnh).

5. Đối với cơ sở có sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất phải nêu rõ: điều kiện kho, bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu; hệ thống thiết bị tái chế; phương án xử lý tạp chất; phương án tái xuất phế liệu (chỉ mô tả các nội dung đề xuất điều chỉnh).

6. Các thông tin thay đổi khác (nếu có):

Chương II

CÁC THAY ĐỔI VỀ CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải (nếu có):

1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

- Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài,...) của công trình thu gom, thoát nước mưa bề mặt; số lượng, vị trí từng điểm thoát nước mưa bề mặt ra ngoài môi trường kèm theo quy trình vận hành tại từng điểm thoát (như: tự chảy, đập xả tràn, van chặn,...) và sơ đồ minh họa;

- Mô tả các biện pháp thu gom, thoát nước mưa khác (nếu có).

(Đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại có trạm trung chuyển chất thải nguy hại, phải báo cáo nội dung này cho từng trạm trung chuyển chất thải nguy hại).

1.2. Thu gom, thoát nước thải:

- Công trình thu gom nước thải: Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài,...) của từng tuyến thu gom nước thải sinh hoạt, công nghiệp từ nguồn phát sinh dẫn về công trình xử lý nước thải;

- Công trình thoát nước thải: Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài,...) của từng tuyến thoát nước thải trước khi xả ra môi trường tiếp nhận hoặc xả ra ngoài phạm vi của công trình xử lý chất thải;

- Điểm xả nước thải sau xử lý: Mô tả chi tiết vị trí xả nước thải; đánh giá sự đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định đối với điểm xả nước thải/điểm đầu nối nước thải; nguồn tiếp nhận nước thải. Trường hợp nguồn tiếp nhận nước thải là công trình thủy lợi thì nêu rõ tên công trình thủy lợi, cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi; việc thực hiện các yêu

cầu về bảo vệ môi trường đối với công trình thủy lợi;

- Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải nêu trên;
- Mô tả các biện pháp thu gom, thoát nước thải khác (nếu có).

(Đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại có trạm trung chuyển chất thải nguy hại, phải báo cáo nội dung này cho từng trạm trung chuyển chất thải nguy hại).

1.3. Xử lý nước thải:

- Mô tả rõ từng công trình xử lý nước thải đã được xây dựng, lắp đặt hoặc hệ thống thiết bị xử lý nước thải đồng bộ, hợp khối, trong đó làm rõ: chức năng của từng công trình; quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành và chế độ vận hành của công trình (có sơ đồ minh họa quy trình công nghệ xử lý); các loại hóa chất, chế phẩm sinh học sử dụng; định mức tiêu hao điện năng, hóa chất sử dụng cho quá trình vận hành; yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với nước thải sau xử lý. CO/CQ của hệ thống thiết bị xử lý nước thải đồng bộ, hợp khối (nếu có);

- Các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có), CO/CQ và phiếu kiểm định, hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm của thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục; làm rõ việc kết nối và truyền dữ liệu quan trắc tự động, liên tục nước thải về Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương để kiểm tra, giám sát;

- Mô tả các biện pháp xử lý nước thải khác (nếu có).

(Đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại có trạm trung chuyển chất thải nguy hại, phải báo cáo nội dung này cho từng trạm trung chuyển chất thải nguy hại).

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải (nếu có):

Đối với từng công trình xử lý bụi, khí thải cần làm rõ:

- Công trình thu gom khí thải trước khi được xử lý: Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài,...) của từng công trình thu gom khí thải từ nguồn phát sinh dẫn về công trình xử lý khí thải;

- Công trình xử lý bụi, khí thải đã được xây dựng, lắp đặt hoặc hệ thống thiết bị xử lý khí thải đồng bộ, hợp khối, trong đó làm rõ: chức năng của công trình (xử lý bụi, khí thải cho công đoạn hoặc dây chuyền sản xuất nào của cơ sở); quy mô, công suất, quy trình vận hành và chế độ vận hành của công trình (có sơ đồ minh họa quy trình công nghệ xử lý); các loại hóa chất, xúc tác sử dụng; định mức tiêu hao điện năng, hóa chất cho quá trình vận

hành công trình; yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với bụi, khí thải sau xử lý. CO/CQ của hệ thống thiết bị xử lý khí thải đồng bộ, hợp khối (nếu có);

- Các thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có), CO/CQ và phiếu kiểm định, hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm của thiết bị, hệ thống; làm rõ việc kết nối và truyền dữ liệu quan trắc tự động, liên tục khí thải về Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương để kiểm tra, giám sát;

- Mô tả các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác (nếu có).

(Đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại có trạm trung chuyển chất thải nguy hại, phải báo cáo nội dung này cho từng trạm trung chuyển chất thải nguy hại).

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Mô tả rõ từng công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, gồm: Mô tả chức năng, các thông số kỹ thuật cơ bản, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình lưu giữ chất thải;

- Công trình xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường tự phát sinh trong khuôn viên cơ sở (nếu có): Mô tả chức năng, quy mô, công suất, công nghệ, các thông số kỹ thuật cơ bản kèm theo quy trình vận hành;

- Đối với cơ sở xử lý chất thải rắn tập trung phải nêu rõ các công trình, thiết bị, phương tiện thu gom phục vụ cho xử lý chất thải rắn;

- Báo cáo về chủng loại, khối lượng chất thải rắn thông thường (rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường,...) phát sinh tại cơ sở;

- Mô tả các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường khác (nếu có).

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

- Mô tả rõ từng công trình lưu giữ chất thải nguy hại, gồm: Mô tả chức năng, các thông số kỹ thuật cơ bản nhằm đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường;

- Công trình xử lý chất thải nguy hại tự phát sinh tại cơ sở (nếu có): Mô tả chức năng, quy mô, công suất, công nghệ, các thông số kỹ thuật cơ bản kèm theo quy trình vận hành;

- Đối với cơ sở xử lý chất thải nguy hại phải nêu rõ: hệ thống, công trình, thiết bị lưu giữ, vận chuyển, trung chuyển, sơ chế, xử lý chất thải nguy hại;

- Báo cáo về chủng loại, tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở (kg/năm

và kg/tháng);

- Mô tả các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại khác (nếu có).

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có):

- Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của cơ sở;
- Quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung của cơ sở.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

- Mô tả chi tiết từng công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm (nếu có) và trong quá trình hoạt động, trong đó phải làm rõ quy mô, công suất, quy trình vận hành và các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình;

- Mô tả chi tiết từng công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với bụi, khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm (nếu có) và trong quá trình hoạt động, trong đó phải làm rõ quy mô, công suất, quy trình vận hành và các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình;

- Mô tả chi tiết từng công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu và các công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác (nếu có), trong đó phải làm rõ quy mô, công suất, quy trình vận hành và các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình;

- Mô tả biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác (nếu có).

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):

Mô tả các công trình bảo vệ môi trường khác (nếu có), trong đó phải làm rõ chức năng, các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình. Mô tả các biện pháp bảo vệ môi trường khác áp dụng đối với cơ sở.

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có):

Nêu rõ các nội dung thay đổi của cơ sở so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường thành phần (nếu có) nhưng chưa đến mức phải thực hiện đánh giá tác động môi trường; làm rõ lý do và cơ sở pháp lý đối với các nội dung thay đổi.

9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp (khi đề nghị cấp lại

giấy phép môi trường quy định tại Nghị định này)

(Phần này nêu chi tiết các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp trước đó).

10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có):

Phần này báo cáo về kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

Ghi chú: Đối với các nội dung từ Mục 1 đến Mục 10, chỉ mô tả những hạng mục bổ sung hoặc nhưng phân hiện hữu nhưng có thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp.

Chương III

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị điều chỉnh về nội dung cấp phép đối với nước thải (nếu có):
2. Nội dung đề nghị điều chỉnh về nội dung cấp phép đối với khí thải (nếu có):
3. Nội dung đề nghị điều chỉnh về nội dung cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):
4. Nội dung đề nghị điều chỉnh về nội dung cấp phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại (nếu có):
5. Nội dung đề nghị điều chỉnh về nội dung cấp phép của cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất (nếu có):

Chương IV

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Phần này nêu rõ các cam kết của chủ cơ sở về các nội dung:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép môi trường.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

- Cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định này (rà soát, liệt kê đầy đủ trách nhiệm phải thực hiện đã quy định trong Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định này).

PHỤ LỤC BÁO CÁO

Các văn bản pháp lý liên quan đến việc thay đổi.

BM 06**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG ĐIỀU CHỈNH**

(Mẫu số 41 Phụ lục II phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT)

**TÊN CƠ QUAN
CẤP PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../GPMT-

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
(Cấp điều chỉnh lần...)
CƠ QUAN CẤP PHÉP (1)**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan cấp giấy phép môi trường;

Căn cứ .;

Căn cứ Giấy phép môi trường số. của (tên tổ chức/cá nhân được cấp phép) ngày ... tháng... năm...;

Xét Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường số. của (tên tổ chức/cá nhân được cấp phép) ngày.tháng... năm...;

Theo đề nghị của (2).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Điều chỉnh nội dung Giấy phép môi trường số ... của (tên tổ chức/cá nhân được cấp giấy phép), có địa chỉ tại (đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ nơi thường trú), chi tiết tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần...) này. Các nội dung khác giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số ...

Điều 2. (Tên tổ chức/cá nhân được cấp giấy phép) tiếp tục thực hiện các nội dung của Giấy phép môi trường số ... và các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường này (cấp điều chỉnh lần ...).

Điều 3. Giấy phép môi trường này (cấp điều chỉnh lần ..) có hiệu lực từ ngày ký cho đến khi Giấy phép môi trường số ... hết hiệu lực./.

Nơi nhận:

- Chủ dự án, cơ sở;
- Sở TN&MT tỉnh/TP... (trường hợp Bộ TN&MT cấp phép);
- UBND huyện/quận/thị xã/TP trực thuộc tỉnh (trường hợp UBND tỉnh hoặc Sở TN&MT cấp phép);
- Ban QLKCN, KKT (đối với dự án, cơ sở nằm trong khu KCN, KKT);
- Cổng Thông tin điện tử của cơ quan cấp phép;
- Cổng Thông tin một cửa quốc gia (đối với dự án, cơ sở có nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất);
- Lưu, website,...

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ
CỦA NGƯỜI KÝ**

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Cơ quan cấp phép là cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường;

(2) Chức danh của thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan chuyên môn tham mưu việc cấp giấy phép môi trường.

Phụ lục**NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số... ngày... tháng... năm ... của ...)

(Chỉ ghi những nội dung điều chỉnh)

1. Điều chỉnh nội dung cấp phép xả nước thải vào nguồn nước và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải (nếu có).
2. Điều chỉnh nội dung cấp phép xả khí thải và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải (nếu có).
3. Điều chỉnh về bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu bảo vệ môi trường (nếu có).
4. Điều chỉnh nội dung cấp phép thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại và yêu cầu về bảo vệ môi trường (nếu có).
5. Điều chỉnh nội dung cấp phép nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất và yêu cầu bảo vệ môi trường (nếu có).
6. Điều chỉnh về yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường (nếu có).
7. Các điều chỉnh khác (nếu có).
8. Các yêu cầu và điều kiện kèm theo (nếu có) đối với nội dung điều chỉnh.

QUY TRÌNH ĐÃ TÁI CẤU TRÚC**QUY TRÌNH 05****Cấp lại giấy phép môi trường**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ³**I.1. THÀNH PHẦN HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở <i>(mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP)</i>	01	Bản chính
2	Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở được quy định theo từng đối tượng như sau: - Dự án đầu tư nhóm II không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường và dự án đầu tư nhóm III <i>(mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP)</i> ; - Cơ sở đang hoạt động <i>(mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP)</i> .	01	Bản chính
3	Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng (riêng đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá	01	Bản sao

³ Căn cứ theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

	tác động môi trường)		
4	Bản điện tử báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và tài liệu đính kèm để thực hiện công khai nội dung báo cáo đề xuất giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh (theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính Phủ)	01	-

I.2. THÀNH PHẦN HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP HỒ SƠ PHẢI CHỈNH SỬA, BỔ SUNG THEO YÊU CẦU CỦA CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG SAU KHI THẨM ĐỊNH

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (<i>mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP</i>), kèm giải trình các nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung.	01	Bản chính
2	Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở đã được chỉnh sửa, bổ sung	01	Bản chính

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

a) Nơi tiếp nhận, trả kết quả và thời gian xử lý

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý
<p>- Trực tiếp: tại Bộ phận Một cửa - Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: Lô T2-3, đường D1, phường Tân Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Trực tuyến: tại Cổng dịch vụ công trực tuyến của Thành phố (http://dichvucong.hochiminhcity.go.vn) và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa - Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.</p>	<p>a) Đối với hồ sơ cấp lại giấy phép môi trường nộp lần đầu:</p> <p>Tối đa là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp theo quy định tại khoản 12 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</p> <p>b) Đối với hồ sơ cấp lại giấy phép môi trường đã được chỉnh sửa, bổ sung (trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy</p>

	<p>phép môi trường sau khi thẩm định):</p> <p>+ 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ (thuộc thẩm quyền cấp tỉnh) theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.</p> <p>+ 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ (thuộc thẩm quyền cấp huyện) theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</p>
--	--

b) Lệ phí: (theo quy định tại Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)

Đối tượng	Mức phí (Đồng/hồ sơ)	
	Thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân Thành phố	Thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức
Đối tượng 1	13.500.000	-
Đối tượng 2	9.600.000	-
Đối tượng 3	19.300.000	9.600.000
Đối tượng 4	5.800.000	3.500.000
Đối tượng 5	4.200.000	4.200.000

Trong đó:

- Đối tượng 1: Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Đối tượng 2: Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Đối tượng 3: Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác

động môi trường.

- Đối tượng 4: Cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động.

- Đối tượng 5:

+ Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;

+ Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Lưu ý:

- Mức phí không bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí lấy mẫu, phân tích mẫu chất thải theo quy định. Trong trường hợp cần thiết phải lấy mẫu chất thải thì việc xác định số lượng mẫu, chỉ tiêu phân tích mẫu và đơn vị lấy mẫu do Hội đồng thẩm định, Tổ thẩm định, Đoàn kiểm tra hoặc Tổ kiểm tra quyết định.

- Không quy định về đối tượng miễn, giảm phí đối với tất cả các đối tượng.

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

1) Quy trình thẩm định và cấp giấy phép môi trường nộp lần đầu (cấp tỉnh và cấp huyện): 30 ngày

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
B1	Nộp hồ sơ	Cá nhân, tổ chức	Giờ hành chính	Theo mục I.1	Thành phần hồ sơ theo mục I.1
	Kiểm tra thành phần hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết		Theo mục I.1, BM 01, BM 02,	1. Tiếp nhận trực tiếp: - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và chưa

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
		quả		BM 03	<p>đúng thành phần hồ sơ theo quy định: hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận) và ghi rõ lý do theo BM02</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Tiếp nhận hồ sơ, lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả trao cho người nộp hồ sơ theo BM01. Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC => Chuyển sang bước B2.</p> <p>- Trường hợp không đúng thẩm quyền, không thuộc đối tượng, không đảm bảo tính pháp lý của hồ sơ: lập phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM03.</p> <p>2. Tiếp nhận qua Công Dịch vụ công trực tuyến</p> <p>- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có).</p> <p>- Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình, chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC => Chuyển sang bước B2.</p> <p>- Trường hợp không đúng thẩm quyền, không thuộc đối tượng, không đảm bảo tính pháp lý hoặc không hợp lệ thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Cổng Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu.</p> <p>Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ theo quy định.
B2	Chuyển hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,25 ngày	Theo mục I.1	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường thụ lý hồ sơ. Chuyển sang bước B3.
B3	Thụ lý hồ sơ				
B3.1	Thẩm định hồ sơ				
	Rà soát nội dung báo cáo	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	0,75 ngày	Theo mục I.1	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC xem xét đối tượng và nội dung hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đúng thẩm quyền, chưa phù hợp với quy định => Chuyển sang B3.2 - Trường hợp hồ sơ phù hợp với quy định thì yêu cầu cá nhân/tổ chức nộp phí theo quy định tại mục II.b. Chuyển sang B3.3
B3.2	Trả hồ sơ do chưa đủ điều kiện				
B3.2.1	Dự thảo văn bản	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	0,75 ngày	Theo mục I.1	Dự thảo Phiếu trình và nội dung văn bản trả hồ sơ do chưa phù hợp với quy định. Chuyển sang B3.2.2

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B3.2.2	Xem xét, ký nội dung trình	Lãnh đạo Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường	0,5 ngày		Xem xét, ký xác nhận nội dung Phiếu trình và ký vào dự thảo văn bản trả hồ sơ. Chuyển sang bước B3.2.3
B3.2.3	Ký duyệt ban hành	Lãnh đạo Ban Quản lý	0,5 ngày		Chuyển Văn phòng xem thể thức, sau đó trình Lãnh đạo Ban Quản lý xem xét, ký ban hành văn bản trả hồ sơ. Chuyển sang bước B3.2.4
B3.2.4	Phát hành văn bản/kết quả	Văn thư - Ban Quản lý	0,25 ngày	Kết quả giải quyết TTHC	Lấy số văn bản, đóng dấu văn bản, lưu trữ hồ sơ theo quy định; phát hành kết quả giải quyết TTHC và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý.
B3.3	Thẩm định nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường				
B3.3.1	Công khai nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Ban Quản lý KCNC	Văn phòng Ban Quản lý - Ban Biên tập trang thông tin điện tử	0,5 ngày	Theo mục I.1	Theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Thời gian công khai ít nhất là 10 ngày kể từ ngày đăng tải.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B3.3.2	<i>Ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra hoặc Thông báo kế hoạch khảo sát</i>				
B3.3.2.1	<i>Dự thảo Quyết định/Thông báo</i>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	01 ngày	Theo mục I.1, Dự thảo Phiếu trình, Quyết định, Giấy mời, Thông báo kiểm tra	Dự thảo Phiếu trình và Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/ Đoàn kiểm tra và Thông báo kế hoạch khảo sát
B3.3.2.2	<i>Xem xét, ký nội dung trình</i>	Lãnh đạo Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường	01 ngày		Xem xét, ký xác nhận nội dung Phiếu trình và dự thảo Quyết định/Thông báo
B3.3.2.3	<i>Ký duyệt ban hành</i>	Lãnh đạo Ban Quản lý	01 ngày		Chuyển Văn phòng xem thể thức, sau đó trình Lãnh đạo Ban Quản lý xem xét, ký ban hành Quyết định/Thông báo
B3.3.2.4	<i>Phát hành Quyết định/Thông báo</i>	Văn phòng Ban Quản lý	0,5 ngày		Lấy số Quyết định/Thông báo, đóng dấu, lưu hồ sơ. Phát hành Quyết định đến các thành viên có tên trong Quyết định/Gửi thông báo đến tổ chức, cá nhân có liên quan.
B3.3.2.5	<i>Tổ chức họp Hội đồng thẩm định/Đoàn</i>	Chuyên viên thụ lý giải quyết	05 ngày	Theo mục I.1, Biên bản họp thẩm	- Tổ chức hội đồng thẩm định, lập biên bản họp hội đồng thẩm định hoặc tổ

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
	<i>kiểm tra</i>	TTHC		định/Phiếu thẩm định/Bản nhận xét của thành viên/Biên bản kiểm tra	chức đoàn kiểm tra và thực hiện quan trắc chất thải sau xử lý trước khi xả thải ra môi trường đối với cơ sở theo khoản 7 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, lập biên bản kiểm tra cấp giấy phép môi trường.
B3.3.3	Tổng hợp kết quả thẩm định				
B3.3.3.1	Tổng hợp hồ sơ	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	12 ngày	Theo mục I.1	<p>Chuyên viên thụ lý tổng hợp ý kiến của thành viên trong quá trình thẩm định cấp giấy phép môi trường nộp và kết quả phân tích mẫu chất thải:</p> <p>- Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường, cần hoàn thiện hồ sơ => Chuyển sang B3.3.3.2</p> <p>- Trường hợp đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường => Chuyển sang B3.3.3.3</p>
B3.3.3.2	Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp phép, phải chỉnh sửa, bổ sung				
	Dự thảo văn bản	Chuyên viên thụ lý giải quyết	3,5 ngày	Theo mục I.1, BM 07	Dự thảo Phiếu trình và nội dung văn bản chưa đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
		TTHC			trường (nêu rõ lý do) hoặc đề nghị chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ. Chuyển sang B4
B3.3.3.3 Đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường					
	Dự thảo Phiếu trình và Giấy phép môi trường	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	3,5 ngày	BM 08	Dự thảo Phiếu trình và Giấy phép môi trường. Chuyển sang B4
B4	Xem xét, ký nội dung trình	Lãnh đạo Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường	02 ngày	Theo mục I.1, BM 07, BM 08	Xem xét, ký xác nhận nội dung Phiếu trình và ký vào dự thảo văn bản chưa đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường hoặc dự thảo Giấy phép môi trường. Chuyển sang bước B5
B5	Ký duyệt ban hành	Lãnh đạo Ban Quản lý	02 ngày		Chuyển Văn phòng xem thể thức, sau đó trình Lãnh đạo Ban Quản lý xem xét, ký ban hành văn bản chưa đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường hoặc Giấy phép môi trường. Chuyển sang bước B6
B6	Phát hành văn bản/kết quả	Văn thư - Ban Quản lý	0,5 ngày	Kết quả giải quyết TTHC	Lấy số văn bản/giấy phép môi trường, đóng dấu văn bản, lưu trữ hồ sơ theo quy định; phát hành

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					kết quả giải quyết TTHC và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý. Chuyển sang bước B7
B7	Trả kết quả, thống kê và theo dõi	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý	Theo thời gian trả trên hệ thống dịch vụ công/giấy hẹn	Kết quả giải quyết TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. - Thống kê, theo dõi theo quy định.

(Xem tiếp Công báo số 327 + 328)